| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 875/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lượng.

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2680/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 535/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 771/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị K Th, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 37A Đường A, Khu phố S, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: Số 718/2/3 Quốc lộ X, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông Hoàng T B, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 37A Đường A, Khu phố S, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: Số 0-56 Đường số Q, Khu dân cư E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn Lương Thị K Th trình bày:

Bà và ông Hoàng T B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2001, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 17/8/2001.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống. Hiện hai người đã sống ly thân gần 04 năm nay. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà Th và ông B có 02 con chung đã thành niên tên Hoàng Thị Th H, sinh ngày 25/11/2001 và Hoàng T H, sinh ngày 27/9/2005.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

* Ông Hoàng T B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không lấy lời khai của đương sự được.

* Tại phiên tòa, ông Hoàng T B và bà Lương Thị K Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Bị đơn ông Hoàng T B có nơi cư trú tại địa chỉ: Số 0-56 Đường số Q, Khu dân cư E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Hoàng T B và bà Lương Thị K Th có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng T B và bà Lương Thị K Th tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2001, quyển số 01 ngày 17/8/2001. Do đó, căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa ông Thạnh, bà Trinh là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn ông Hoàng T B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của đương sự có thể khẳng định mâu thuẫn gia đình của ông B, bà Th đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa ông B và bà Th không tồn tại tình cảm vợ chồng, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ và cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình do hai người không còn sống chung với nhau. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn ông B.

- Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông B và bà Th có 02 con chung đã thành niên tên Hoàng Thị Th H, sinh ngày 25/11/2001 và Hoàng T H, sinh ngày 27/9/2005. Do các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết quan hệ về con chung.

- Về tài sản chung: Bà Th xác định tự Thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết quan hệ về tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Th xác định không có nên Tòa án không giải quyết quan hệ về nợ chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí ly hôn 300,000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị K Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị K Th được ly hôn ông Hoàng T B.

- Về con chung: Ông Hoàng T B và bà Lương Thị K Th có 02 con chung đã thành niên tên Hoàng Thị Th H, sinh ngày 25/11/2001 và Hoàng T H, sinh ngày 27/9/2005. Do các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết quan hệ về con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lương Thị K Th xác định tự Thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết quan hệ về tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Lương Thị K Th xác định không có nên Tòa án không giải quyết quan hệ về nợ chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn 300,000 đồng, bà Lương Thị K Th có nghĩa vụ nộp, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300,000 đồng Bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000385 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lương Thị K Th đã thi hành xong nghĩa vụ đóng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Hoàng T B và bà Lương Thị K Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Minh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**